

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 về ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tại Tờ trình số 293/TTr-BQLVQGNC ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Công văn số 345/BQL-HCTH ngày 12 tháng 5 năm 2023, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 893/BC-STP ngày 07 tháng 4 năm 2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1570/TTr-SNV ngày 18 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa (sau đây gọi tắt là Ban quản lý) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở chuyên ngành; có quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; vận hành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa tuân theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có kinh phí hoạt động và có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở làm việc đặt tại 2 địa điểm như sau:

a) Trụ sở chính đặt tại thôn Thái An, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;

b) Văn phòng đại diện đặt tại thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện quản lý rừng bền vững; có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Núi Chúa và các cơ quan chức năng trên địa bàn xây dựng quy chế phối hợp, thực hiện chương trình, kế hoạch về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, tổ chức đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp thuộc phạm vi được giao.

2. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng, nắm vững hiện trạng diện tích các loại rừng, đất chưa có rừng; biến động diện tích các loại rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; bảo vệ hệ sinh thái rừng; bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, lập danh mục quản lý, bảo vệ các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; phát triển giống cây lâm nghiệp; áp dụng các biện pháp lâm sinh để phát triển rừng; tổ chức cứu hộ, bảo tồn và phát triển các loài sinh vật rừng.

5. Lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng, chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

6. Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với diện tích rừng giao quản lý và thực hiện phương án, đề án đã được phê duyệt.

8. Ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng:

a) Khoán bảo vệ và phát triển rừng với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng. Căn cứ điều kiện cụ thể, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa phối hợp với chính quyền địa phương lập dự án di dân, tái định cư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để di dân ra khỏi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

b) Đối với phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa khoán bảo vệ và phát triển rừng hoặc hợp tác, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng.

c) Xây dựng chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng đệm; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư vùng đệm có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương; phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, lập kế hoạch quản lý đối với diện tích đất sản xuất xen kẽ trong rừng đặc dụng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

9. Được Nhà nước giao rừng đặc dụng, rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng; hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng; sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất trồng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

10. Cung ứng dịch vụ môi trường rừng và được chi trả, quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật; được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng; được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư; được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng và bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

11. Hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để bảo vệ và phát triển rừng; được cho thuê môi trường rừng theo quy định pháp luật; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

12. Hưởng các chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng theo quy định của Luật Lâm nghiệp; khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 52 Luật Lâm nghiệp; tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế.

13. Quản lý, bảo vệ, phát triển khu bảo tồn biển theo Quy chế quản lý khu bảo tồn biển, quy định của Luật Thủy sản và quy định của pháp luật có liên quan:

a) Xây dựng đề án tổng thể phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu bảo tồn biển trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý khu bảo tồn biển định kỳ hằng năm, 05 năm, 10 năm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, phòng, trừ dịch bệnh; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong khu bảo tồn biển;

b) Tổ chức nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, tái tạo, phục hồi và phát triển các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái biển trong khu bảo tồn biển; cứu

hộ các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật; quan trắc, thu thập thông tin, số liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, chất lượng môi trường nước; giám sát hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án thực hiện trong khu bảo tồn biển; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sống của loài thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển;

c) Tổ chức, phối hợp với lực lượng Kiểm ngư, Chi cục Thủy sản, Cảnh sát môi trường, Bộ đội Biên phòng và chính quyền địa phương thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan hỗ trợ triển khai hoạt động sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển; nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh diện tích của khu bảo tồn biển; diện tích, vị trí các phân khu chức năng của khu bảo tồn biển và vùng đệm; lắp đặt, thả phao đánh dấu ranh giới khu bảo tồn biển, ranh giới các phân khu chức năng và lắp đặt phao cho tàu du lịch buộc neo;

đ) Thực hiện điều tra, khảo sát, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về bảo tồn biển trong phạm vi quản lý; hợp tác đào tạo, tuyên truyền, giáo dục môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn biển; thu phí, lệ phí theo quy định đối với hoạt động trong khu bảo tồn biển; phối hợp với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh và hệ sinh thái tự nhiên trên biển trong khu bảo tồn;

e) Kinh doanh, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái tự nhiên trên biển và các hoạt động dịch vụ khác trong khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật;"

g) Có ý kiến đối với hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án liên quan đến khu bảo tồn biển được giao quản lý; đề nghị cơ quan có thẩm quyền tạm dừng hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và dự án của tổ chức, cá nhân trong trường hợp không thực hiện đúng mục đích, nội dung, kế hoạch hoặc có các hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn biển.

14. Tổ chức, huy động và tiếp cận các nguồn lực góp phần quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa; liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, khai thác giá trị đặc sắc của Khu dự trữ sinh quyển tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các quy chế, kế hoạch được phê duyệt; giám sát, kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm hại đến tài nguyên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học của Khu dự trữ sinh quyển; tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ và quản lý di

sản thiên nhiên Khu dự trữ sinh quyển; tổ chức điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa định kỳ theo quy định.

15. Quản lý tài chính, thực hiện các quy định về tự chủ tài chính; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản được giao; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, viên chức, người lao động; cải cách hành chính; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách ưu đãi, đãi ngộ, thi đua, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa, kể cả khi đã phân công hoặc ủy quyền cho người có trách nhiệm.

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Ban Quản lý vắng mặt, một Phó Giám đốc Ban Quản lý được Giám đốc Ban Quản lý ủy nhiệm thay Giám đốc Ban Quản lý điều hành các hoạt động của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa.

2. Các phòng chuyên môn:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Khoa học - Dự trữ sinh quyển;

c) Phòng Bảo tồn tài nguyên rừng và biển.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường.

4. Biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc) của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ hằng năm trên cơ sở Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm lãnh đạo Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa, lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức thuộc Vườn Quốc gia Núi Chúa được thực hiện theo phân cấp quản lý của tỉnh và theo quy định của pháp luật.

6. Cơ chế tài chính: Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa có trách nhiệm ban hành các quyết định sau đây và chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, bảo đảm tất cả hoạt động của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa hiệu lực, hiệu quả:

a) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa; sắp xếp, bố trí viên chức cho từng phòng bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với tình hình thực tế của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa.

b) Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể đối với Giám đốc, Phó Giám đốc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; viên chức của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa.

c) Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa, nội quy cơ quan, các quy định khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

d) Xây dựng và phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa.

2. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc; Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tổng hợp và phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 79/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố; Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban;
- Lưu: VT, VXNV. PD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam